CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Áp dụng từ khóa 2018)

Tên ngành: QUẢN TRỊ KINH DOANH

Chuyên ngành: QUẢN TRỊ KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU

TT	Mã học phần	Tên môn học, học phần	Số tín chỉ	Thời gian (tiết)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	TH/thực tập/ BT/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
Học kỳ 1: 14 Tín chỉ (không tính học phần GDQP và AN)							
Học phần bắt buộc			**14**				
1	226020	Pháp luật đại cương	2				
2	229100	Tin học	2				
3	224003/ 200001	Anh văn 1/Tiếng Nhật 1	3				
4	226026	Quản trị học	2				
5	226016	Marketing căn bản	2				
6	225087	Nguyên lý thống kê	3				
7	234012	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5				
Học kỳ 2: 16 Tín chỉ (không tính học phần GDTC)							
Học phần bắt buộc			**14**				
8	223006	Chính trị 1	3				
9	224004/ 200002	Anh văn 2/ Tiếng Nhật 2	3				
10	226012	Kinh tế vi mô	3				
11	222034	Toán ứng dụng C	3				
12	225014	Nguyên lý kế toán	2				
Học phần tự chọn			**2**				
13.1	222017	Tiếng Việt thực hành B	2				
13.2	226036	Tâm lý học đại cương	2				
13.3	226017	Môi trường và con người	2				
Học phần Giáo dục thể chất tự chọn			**2**				
14.1	234002	Bóng chuyền 1	2				
14.2	234006	Bóng đá 1	2				
14.3	234007	Bóng rổ 1	2				
14.4	234008	Cầu lông 1	2				
14.5	234009	Aerobic 1	2				
Học kỳ 3: 16 Tín chỉ (không tính học phần GDTC)							
Học phần bắt buộc			**14**				

15	223007	Chính trị 2	3				
16	224016/ 200003	Anh văn 3/ Tiếng Nhật 3	3				
17	226158	Luật kinh doanh quốc tế	2				
18	226058	Logistics	2				
19	226101	Đàm phán trong kinh doanh	2				
20	226184	Khởi tạo doanh nghiệp	2				
Học phần Giáo dục thể chất tự chọn			**2**				
21.1	234003	Bóng chuyền 2	2				
21.2	234010	Bóng đá 2	2				
21.3	234011	Bóng rổ 2	2				
21.4	234013	Cầu lông 2	2				
21.5	234014	Aerobic 2	2				
Học phần tự chọn			**2**				
22.2	226035	Soạn thảo văn bản	2				
22.2	222024	Xác suất thống kê	2				
Học kỳ 4: 17 Tín chỉ (không tính học phần kỹ năng mềm)							
Học phần bắt buộc			**15**				
23	226078	Thuế trong kinh doanh	2				
24	226051/ 200004	Anh văn chuyên ngành XNK/ Tiếng Nhật 4	2				
25	226177	Vận tải bảo hiểm hàng hoá XNK	3				
26	226156	Giao dịch thương mại quốc tế	3				
27	226070	Thanh toán quốc tế (QT)	3				
28	226062	Nghiệp vụ giao nhận hàng hóa hải quan	2				
29	222035	Kỹ năng mềm	2				
Học phần tự chọn			**2**				
30.1	226168	Quản trị tài chính quốc tế	2				
30.2	226034	Quản trị thương hiệu	2				
30.3	226167	Quản trị nhân sự	2				
Học kỳ 5: 12 Tín chỉ							
Học phần bắt buộc			**10**				
31	226165	Quản trị chiến lược	3				
32	226103	Thủ tục hải quan hàng hoá XNK	2				
33	226182	Thực tập tốt nghiệp	**5**				
Học phần tự chọn			**2**				
34.1	226160	Quan hệ kinh tế quốc tế	2				
34.2	226041	Tâm lý kinh doanh	2				
34.3	226031	Quản trị rủi ro	2				
Học kỳ 6: 5 Tín chỉ							
35	226057	Khóa luận tốt nghiệp	5				
Học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp							

36	226074	Thương mại điện tử	3				
37	226083	Marketing quốc tế	2				